

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2022/HS-ST
Ngày: 13-12-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Minh Châu;

2. Bà Ngô Thị Diễm Thuý

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Lài - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Phạm Minh Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 51/2022/TLST-HS, ngày 25 tháng 10 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2022/QĐXXST-HS, ngày 23 tháng 11 năm 2022, đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: **Trần C**; sinh ngày 01 tháng 01 năm 1983, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp 4, xã C1, huyện T1, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 5/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; giới tính: Nam; con ông Trần C2, sinh năm: 1964; con bà Lê C3, sinh năm:; Anh, chị (*em ruột*): 03 người, bị cáo là con lớn trong gia đình; Vợ: Trần C4 (Tiên), sinh năm 1989; Con: không; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 19/3/2014 bị Tòa án nhân dân quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm 06 tháng tù về “*Tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy*” quy định tại Điều 194 Bộ luật Hình sự. Chấp hành xong ngày 17/02/2016. Tạm giữ: Từ ngày 16/12/2021 đến ngày 25/12/2021 tại Nhà tạm giữ Công an thành phố H, tỉnh Đồng Tháp; Tạm giam: Không; Bị cáo Trần C bị áp dụng các biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú và Tạm hoãn xuất cảnh từ ngày

24/12/2021 đến ngày 25/10/2022 tại xã C1, huyện T1, tỉnh Đồng Tháp (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2/ Họ và tên: **Đỗ N**, sinh ngày 14 tháng 6 năm 2002; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp 3, xã C1, huyện T1, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Con ông Đỗ N1, sinh năm: 1974; Con bà Đỗ N2, sinh năm: 1976; Anh, chị (*em ruột*): 02 người, bị cáo là con út trong gia đình; Vợ, con: Không; Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ, tạm giam: Không; Bị cáo Đỗ N bị áp dụng các biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú và Tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 09/3/2023 đến ngày 25/10/2022 tại xã C1, huyện T1, tỉnh Đồng Tháp (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

3/ Họ và tên: **Phan T**, sinh năm: 1977 ; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khóm W3, phường W1, thị xã W2, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 5/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Con ông Phan W4, sinh năm:(chết); Con bà Trần W5, sinh năm 1953 (chết); Anh, chị (*em ruột*): 04 người, bị cáo là con thứ 02 trong gia đình; Vợ: Nguyễn W6, sinh năm 1989; Con: 02 người, người con lớn 16 tuổi và người con nhỏ 11 tuổi; Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ: từ ngày 16/12/2021 đến ngày 25/12/2021 tại Nhà tạm giữ Công an thành phố H, tỉnh Đồng Tháp; Tạm giam: Không; Bị cáo Phan T bị áp dụng các biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú và Tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 24/12/2021 đến ngày 25/10/2022 tại phường W1, thị xã W2, tỉnh An Giang (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

4/ Họ và tên: **Nguyễn Thị B**, sinh ngày 10 tháng 9 năm 1973; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khóm 1, thị trấn B1, huyện T1, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Mua bán; Trình độ học vấn: 8/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; Con ông: Nguyễn B2, sinh năm:.....(chết); Con bà Trần B3, sinh năm:..... (chết); Anh, chị (*em ruột*): 02 người, bị cáo là con út trong gia đình; Chồng: Đặng B4, sinh năm 1972; Con: 02 người, người con lớn 25 tuổi và người con nhỏ 17 tuổi; Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ: Từ ngày 03/8/2022 đến ngày 06/8/2022; Tạm giam: Từ ngày 06/8/2022 đến ngày 25/10/2022. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố H, tỉnh Đồng Tháp (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

5/ Họ và tên: **Dương N**, sinh năm 1973; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp Thượng, xã Tân Quới, huyện A1, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ

học vấn: 01/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; Con ông Dương N1, sinh năm:.....(chết); Con bà Trần N2, sinh năm: 1943; Anh, chị (*em ruột*): 05 người, bị cáo là con thứ 03 trong gia đình; Chồng: Lưu Văn A, sinh năm 1967; Con: 02 người, người con lớn 30 tuổi và người con nhỏ 17 tuổi; Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ, tạm giam: Không; Bị cáo Dương N bị áp dụng các biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú và Tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 09/3/2022 đến ngày 25/10/2022 tại xã Tân Quới, huyện A1, tỉnh Đồng Tháp (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

6/ Họ và tên: **Lưu Văn A**, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1967; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp Thượng, xã Tân Quới, huyện A1, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ học vấn: 5/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Con ông Lưu A2, sinh năm:.....(chết); Con bà Nguyễn A3, sinh năm:.....; Anh, chị (*em ruột*): có 8 người, bị cáo là con thứ năm trong gia đình; Vợ: Dương N, sinh năm 1973; Con: 02 người, người con lớn 30 tuổi và người con nhỏ 17 tuổi; Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ, tạm giam: Không; Bị cáo Lưu Văn A bị áp dụng các biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú và Tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 09/3/2022 đến ngày 25/10/2022 tại xã Tân Quới, huyện A1, tỉnh Đồng Tháp (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

7/ Họ và tên: **Lê Thị K**, sinh ngày 18 tháng 5 năm 1976; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khóm K2, phường K1, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Mua bán; Trình độ học vấn: 8/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; Con ông Lê K3, sinh năm:(chết); Con bà Trần 4, sinh năm:(chết); Anh, chị (*em ruột*): 05 người, bị cáo là con thứ 03 trong gia đình; Chồng: Nguyễn K5 (chết), (chồng hiện tại là anh Nguyễn K6, sinh năm 1967); Con: 01 người, tên Nguyễn Lê K7, sinh năm 2006; Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ, tạm giam: Không; Bị cáo Lê Thị K bị áp dụng các biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú và Tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 09/3/2022 đến ngày 25/10/2022 tại phường K1, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

8/ Họ và tên: **Lê G**, sinh năm: 1975; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp 1, xã C1, huyện T1, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; Con ông Lê G1, sinh năm: (chết); Con bà Nguyễn G2, sinh năm: 1963; Anh, chị (*em ruột*): 04 người, bị cáo là con lớn trong gia đình; Chồng: Nguyễn G3, sinh năm 1976;

Con: 01 người, tên Nguyễn 4, sinh năm.....; Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ, tạm giam: Không; Bị cáo Lê G bị áp dụng các biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú và Tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 09/3/2022 đến ngày 25/10/2022 tại xã C1, huyện T1, tỉnh Đồng Tháp (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

9/ Họ và tên: **Lê R**, sinh ngày 01 tháng 02 năm 1982 ; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khóm R2, phường R1, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Mua bán; Trình độ học vấn: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Con ông Lê R6, sinh năm: 1961; Con bà Huỳnh R7, sinh năm: 1962; Anh, chị (*em ruột*): Bị cáo là con một trong gia đình; Vợ: Đỗ Thị R8, sinh năm 1986; Con: 02 người, người con lớn 16 tuổi và người con nhỏ 15 tuổi; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 13/12/2016 bị Công an thị xã H (*nay là thành phố H*), tỉnh Đồng Tháp ra Quyết định xử phạt hành chính với hình thức “**Phạt tiền: 1.500.000 đồng**”, về hành vi “*Đánh bạc dưới hình thức chơi tài xỉu ăn thua bằng tiền*” (Quyết định số 08/QĐ-XPVPHC) và thực hiện việc nộp tiền phạt vào ngày 20/12/2016. Ngày 14/7/2020 bị Công an thị xã H (*nay là thành phố H*), tỉnh Đồng Tháp ra Quyết định xử phạt hành chính với hình thức “**Phạt tiền: 1.500.000 đồng**”, về hành vi “*Đánh bạc trái phép*” (Quyết định số 28/QĐ-XPVPHC) và thực hiện việc nộp tiền phạt vào ngày 14/7/2020. Tạm giữ, tạm giam: Không; Bị cáo Lê R bị áp dụng các biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú và Tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 09/3/2022 đến ngày 25/10/2022 tại phường R1, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

10/ Họ và tên: **Nguyễn D**, sinh năm: 1979; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khóm D4, phường K1, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 8/12 ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Con ông Nguyễn D2, sinh năm: 1945; Con bà Phan D2, sinh năm: 1945 (chết); Anh, chị (*em ruột*): 08 người, bị cáo là con thứ 03 trong gia đình; Vợ: Huỳnh Thị D3, sinh năm 1977; Con: Không; Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ, tạm giam: Không; Bị cáo Nguyễn D bị áp dụng các biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú và Tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 09/3/2022 đến ngày 09/9/2022 tại phường K1, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

11/ Họ và tên: **Nguyễn V**, sinh năm: 1978; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khóm C1, phường K1, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Mua bán; Trình độ học vấn: 11/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Con ông Nguyễn V1, sinh năm: 1945 (đã chết); Con bà Trương V2,

sinh năm: 1952; Anh, chị (*em ruột*): 04 người, bị cáo là con thứ 02 trong gia đình; Vợ: Huỳnh Thị V3, sinh năm 1983; Con: 01 người, tên Nguyễn V4, sinh năm 2003; Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ, tạm giam: Không; Bị cáo Nguyễn V bị áp dụng các biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú và Tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 09/3/2022 đến ngày 25/10/2022 tại phường K1, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

12/ Họ và tên: **Bùi S**, sinh ngày 23 tháng 12 năm 1991; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp S6, xã S3, huyện S4, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Mua bán; Trình độ học vấn: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Con ông Bùi S1, sinh năm:.....(chết); Con bà Đinh S2, sinh năm: 1952; Anh, chị (*em ruột*): 03 người, bị cáo là con út trong gia đình; Vợ, con: Không; Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ, tạm giam: Không; Bị cáo Bùi S bị áp dụng các biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú và Tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 19/4/2022 đến ngày 25/10/2022 tại xã S3, huyện S4, tỉnh Đồng Tháp (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

13/ Họ và tên: **Trần Thị Y**, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1969 ; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp 1, xã C1, huyện T1, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 6/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; Con ông Trần Y1, sinh năm:.....(chết); Con bà Nguyễn Y2, sinh năm:.....(chết); Anh, chị (*em ruột*): 08 người, bị cáo là con thứ 06 trong gia đình; Chồng: Lê Y3, sinh năm 1973; Con: 01 người, tên Lê Y4, sinh năm 1991; Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ: Từ ngày 01/6/2022 đến ngày 07/6/2022 tại Nhà tạm giữ Công an thành phố H, tỉnh Đồng Tháp; Tạm giam: Không; Bị cáo Nguyễn Thị Y bị áp dụng các biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú và Tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 07/6/2022 đến ngày 25/10/2022 tại xã C1, huyện T1, tỉnh Đồng Tháp (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Người bào chữa cho bị cáo Đỗ N là: Luật sư Lê Văn Lợi – Luật sư của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Hà Ngọc U, sinh năm 1985;

Nơi cư trú: tổ 4, ấp 3, xã C6, thành phố C8, tỉnh Đồng Tháp.

2. Lê Thị O, sinh năm 1983;

Nơi cư trú: ấp C7 B, xã C7, huyện T1, tỉnh Đồng Tháp.

3. Lê I, sinh năm 1976;

Nơi cư trú: Khóm 1, thị trấn U7, huyện S4, tỉnh Đồng Tháp.

4. Huỳnh Thị M, sinh năm 1982;

Nơi cư trú: Khóm C1, phường K1, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

5. Lê Z, sinh năm 1972.

Nơi cư trú: ấp U8, xã Tân Hội, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

6. Nguyễn B, sinh năm 1985;

Nơi cư trú: ấp U6, xã U9, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

7. Nguyễn J, sinh năm 1975;

Nơi cư trú: Khóm 1, phường J1, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

8. Cao L, sinh năm 1975;

Nơi cư trú: ấp L2, xã L1, thị xã L3, tỉnh Tiền Giang.

9. Nguyễn E, sinh năm 1974;

Nơi cư trú: ấp 1, xã E1 1, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người làm chứng:*

1. Nguyễn P, sinh năm 1970;

Nơi cư trú: Khóm K2, phường K1, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

2. Nguyễn P1, sinh năm 1965;

Nơi cư trú: ấp 3, xã C1, huyện T1, tỉnh Đồng Tháp.

3. Bùi P2, sinh năm 1993;

Nơi cư trú: Khóm C1, phường K1, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

4. Nhan I, sinh năm 1977;

Nơi cư trú: ấp N7, xã S3, huyện S4, tỉnh Đồng Tháp.

5. Nguyễn P3, sinh năm 1992;

Nơi cư trú: Khóm 3, phường M8, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

6. Trần P4, sinh năm 1990;

Nơi cư trú: Khóm K2, phường K1, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

7. Phạm P5, sinh năm 1984.

Nơi cư trú: Khóm R2, phường R1, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

8. Lê P6, sinh năm 1996.

Nơi cư trú: ấp C7, xã An Long, huyện T1, tỉnh Đồng Tháp.

9. Châu P7, sinh năm 2000.

Nơi cư trú: Khóm C1, phường K1, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

10. Huỳnh Thị P8, sinh năm 1990.

Nơi cư trú: ấp M10, xã M9, huyện M7, tỉnh An Giang.

11. Phạm P9, sinh năm 1986.

Nơi cư trú: Khóm R2, phường R1, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

12. Lê P10, sinh năm 1972.

Nơi cư trú: Khóm K2, phường K1, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 00 giờ 10 phút, ngày 16 tháng 12 năm 2021, bằng biện pháp nghiệp vụ và qua công tác trinh sát địa bàn, lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về hình sự, kinh tế, ma túy Công an thành phố H và Công an phường K1, phối hợp với Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp (PC02), phát hiện tại khu đất trống thuộc khóm K2, phường K1, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp có một tụ điểm đánh bạc, ăn thua bằng tiền với hình thức lắc tài xỉu nên tiến hành kiểm tra, bắt quả tang, gồm: Trần C, Đỗ N với vai trò là người tổ chức; Phan T với vai trò là người làm cái (*đứng lắc*), chơi ăn thua bằng tiền với những người chơi là: Dương N, Lê R, Lê Thị K, Lê G, Lưu Văn A, Nguyễn D, Nguyễn V, Trần Thị Y, Nguyễn Thị B, Vũ Tuyết Liên, Bùi S, Hà Ngọc U, Lê Thị O, Lê I, Huỳnh Thị M, Lê Z, Nguyễn B, Nguyễn J, Cao L. Ngoài ra, tại hiện trường còn có một số người làm chứng như: Nguyễn E, Nhan I, Nguyễn P3, Trần P4, Bùi P2, Phạm P9, Lê Thành Tiền, Châu P7, Nguyễn P1, Huỳnh Thị P8.

Vật chứng vụ án, Cơ quan điều tra đã thu giữ:

** Thu tại chiếu bạc:*

- Tiền Việt Nam tổng cộng 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng);
- 03 (ba) hột xí ngầu hình lục giác, trên mỗi hột có các chấm đỏ đen từ 01 chấm đến 06 chấm;
- 03 (ba) miếng kim loại hình tròn;
- 01 (một) nắp mũ nhựa, có quần băng keo màu đen phía bên ngoài;
- 01 (một) cái đĩa (đĩa), loại nhỏ, màu trắng, đã qua sử dụng;
- 01 (một) cái hộp sữa hiệu VINAMILK dielac bằng kim loại, trên nắp có một lỗ thủng.

** Thu trên người các đối tượng có mặt tại hiện trường:*

- Tiền Việt Nam tổng cộng 63.404.000 đồng (Sáu mươi ba triệu bốn trăm lẻ bốn ngàn đồng);
- 23 (Hai mươi ba) cái điện thoại di động các loại nhãn hiệu khác nhau (Có danh sách kèm theo).

** Thu gần khu vực chiếu bạc:*

- Tiền Việt Nam tổng cộng 44.000.000 đồng (Bốn mươi bốn triệu đồng);
- 23 (Hai mươi ba) phương tiện xe mô tô, xe gắn máy các loại;
- 01 (Một) cái áo sơ mi tay dài, sọc màu vàng và 01 (một) cái quần dài bằng vải, màu đen của bà Phạm P9. Có danh sách kèm theo.

Quá trình điều tra, Trần C trực tiếp tổ chức cho 12 người khác tham gia chơi để thu tiền xâu, tiền bảo và bị cáo Đỗ N là đồng phạm với vai trò giúp sức trong việc chở người đến địa điểm đánh bạc để được hưởng tiền công, các bị cáo đã lợi dụng khu vực đất trống không người trông coi, trực tiếp canh coi tổ chức cho các con bạc tham gia đánh bạc ăn thua bằng tiền với hình thức lắc tài - xỉu nhằm thu tiền xâu theo giờ (800.000 đồng/ 1 giờ) và thu tiền bảo tổng cộng là 8.000.000 đồng. Ngoài ra, trong vụ án “*Tổ chức đánh bạc*” trên có 12 bị cáo: Phan T, Dương N, Lê R, Lê Thị K, Lê G, Lưu Văn A, Nguyễn D, Nguyễn V, Trần Thị Y, Nguyễn Thị B, Vũ Thị Tuyết Liên, Bùi S trực tiếp tham gia “*Đánh bạc*”, trong đó bị cáo Phan T tham gia với vai trò là người làm cái, chơi ăn thua bằng tiền với 11 bị cáo còn lại, dưới hình thức lắc tài - xỉu, với tổng số tiền đánh bạc thu trên chiếu bạc là 7.000.000 đồng (*Bảy triệu đồng*) và số tiền dùng vào mục đích đánh bạc là 14.982.000 đồng (Mười bốn triệu chín trăm tám mươi hai ngàn đồng).

Sau khi thụ lý, căn cứ vào biên bản bắt người phạm tội quả tang, tài liệu thu thập được như lời khai người liên quan, người làm chứng; Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H, tỉnh Đồng Tháp xác định có dấu hiệu tội phạm nên Quyết định khởi tố vụ hình sự, khởi tố bị can và áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với Trần C, Đỗ N tội “*Tổ chức đánh bạc*” quy định tại khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự. Phan T, Dương N, Lê R, Lê Thị K, Lê G, Lưu Văn A, Nguyễn D, Nguyễn V, Trần Thị Y, Nguyễn Thị B, Vũ Thị Tuyết Liên, Bùi S tội “*Đánh bạc*” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự để tiếp tục điều tra làm rõ.

Sau khi khởi tố, các bị cáo Trần Thị Y, Nguyễn Thị B, Vũ Thị Tuyết Liên bỏ trốn khỏi địa phương nên ngày 18/5/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H ra Quyết định truy nã đối với các bị cáo.

Ngày 31/5/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H, tỉnh Đồng Tháp tạm đình chỉ điều tra vụ án hình sự đối với bị cáo, tạm đình chỉ điều tra đối với bị cáo và tách vụ án để kết thúc điều tra. Ngày 01/6/2022 bị cáo Trần Thị Y ra đầu thú và ngày 02/8/2022 bị cáo Nguyễn Thị B bị bắt

trong trường hợp truy nã nên vụ án được đưa ra giải quyết tiếp tục theo quy định của pháp luật Tố tụng hình sự.

Trong quá trình điều tra, các bị can đã thành khẩn khai báo trước Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát. Toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên của các bị cáo.

*** Việc xử lý vật chứng vụ án của Cơ quan điều tra:**

Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H, tỉnh Đồng Tháp trả lại các tài sản đã thu giữ không liên quan đến vụ án, như: 23 (Hai mươi ba) phương tiện xe mô tô, xe máy các loại; 23 (Hai mươi ba) cái điện thoại di động các loại nhãn hiệu; Tiền Việt Nam 92.422.000 đồng (Chín mươi hai triệu bốn trăm hai mươi hai ngàn đồng); 01 (Một) cái áo sơ mi tay dài, sọc màu vàng và 01 (một) cái quần dài bằng vải, màu đen (Có danh sách kèm theo). Riêng các vật chứng và tài sản khác có liên quan đến vụ án, đang quản lý tại tài khoản ở Kho bạc Nhà nước thành phố H và nhập Kho vật chứng Công an thành phố H nhằm phục vụ cho công tác điều tra, truy tố và xét xử, gồm:

- Tiền Việt Nam: 21.982.000 đồng (Hai mươi một triệu chín trăm tám mươi hai ngàn đồng), trong đó: Số tiền bắt quả tang tại chiếu bạc là 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng) và số tiền các bị can dùng vào mục đích đánh bạc là 14.982.000 đồng (Mười bốn triệu chín trăm tám mươi hai ngàn đồng);

- 03 (ba) hột xí ngầu hình lục giác, trên mỗi hột có các chấm đỏ đen từ 01 chấm đến 06 chấm;

- 03 (ba) miếng kim loại hình tròn;

- 01 (một) nắp mũ nhựa, có quần băng keo màu đen phía bên ngoài;

- 01 (một) cái đĩa (dĩa), loại nhỏ, màu trắng, đã qua sử dụng;

- 01 (một) cái hộp sữa hiệu VINAMILK dielac bằng kim loại, trên nắp có một lỗ thủng.

Tại bản cáo trạng số: 53/CT-VKSTPHN ngày 24/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H truy tố các bị cáo Trần C và Đỗ N, về tội “*Tổ chức đánh bạc*” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Phan T, Dương N, Lưu Văn A, Lê Thị K, Lê G, Lê R, Nguyễn D, Nguyễn V, Bùi S, Trần Thị Y và Nguyễn Thị B, về tội “*Đánh bạc*” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H

thực hành quyền công tố khẳng định hành vi của các bị cáo Trần C và Đỗ N đã phạm tội “*Tổ chức đánh bạc*” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Phan T, Dương N, Lưu Văn A, Lê Thị K, Lê G, Lê R, Nguyễn D, Nguyễn V, Bùi S, Trần Thị Y và Nguyễn Thị B, về tội “*Đánh bạc*” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần C từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đỗ N từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phan T từ 04 tháng đến 05 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị B từ 04 tháng 13 ngày đến 05 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Dương N từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lưu Văn A từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Thị K từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê G từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Gia đình có công với cách mạng theo quy định khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê R từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn D từ 06 tháng đến 09 tháng

tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn V từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bùi S từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Điều 17, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Thị Y từ 06 tháng đến 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo đa phần sống bằng nghề làm thuê, thu nhập không ổn định, nên không đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 321 và khoản 3 Điều 322 Bộ luật Hình sự.

- Đối với Vũ Thị Tuyết Liên: sau khi bị khởi tố đã bỏ trốn khỏi địa phương nên Cơ quan điều tra ra Quyết định truy nã và tách hồ sơ vụ án đối với Liên, khi nào bắt được sẽ phục hồi vụ án và xử lý sau.

- *Đối với các người liên quan:* Quá trình điều tra, các đối tượng: Hà Ngọc U, Lê Thị O, Lê I, Huỳnh Thị M, Lê Z, Nguyễn B, Nguyễn J, Cao L là người tham gia chơi đánh bạc nhưng không đủ yếu tố cấu thành tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự về các tội danh trên nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đề nghị Công an thành phố H xử phạt vi phạm hành chính là phù hợp nên Viện kiểm sát không đề cập xem xét xử lý;

- Đối với Nguyễn E được một người thanh niên không họ tên, địa chỉ, thuê giữ xe cho các bị can, qua xác minh không có mặt ở địa phương, chưa làm việc được nên chưa đủ có căn cứ xử lý trách nhiệm có liên quan đối với Thêm, khi nào làm việc được nếu có căn cứ sẽ xử lý sau.

- Đối với Nguyễn P, không có chứng cứ chứng minh là người đứng ra tổ chức đánh bạc và nhận 8.000.000 đồng tiền xâu, tiền bảo từ bị cáo Trần C, cho nên Cơ quan điều tra không đưa ra bất kỳ hình thức xử lý nào là phù hợp.

- Riêng các ông, bà: Nhan I, Nguyễn Đức Hiên, Trần P4, Bùi P2, Phạm P9, Lê Thành Tiền, Châu P7, Nguyễn P1, Huỳnh Thị P8 có mặt tại hiện

trường khi bắt quả tang nhưng mục đích để tìm người thân, tìm người quen lấy tiền nợ, không tham gia chơi đánh bạc cho nên không đề cập biện pháp xử lý là đúng quy định pháp luật.

- Đối với xe mô tô mà bị cáo Đỗ N dùng làm phương tiện chở các bị cáo đến địa điểm đánh bạc, khi bắt quả tang không thu giữ được tại hiện trường và bị cáo Nghi cũng không nhớ đặc điểm cụ thể như: biển số, số máy, số khung cho nên không có căn cứ xem xét xử lý khi nào thu hồi được sẽ xử lý sau.

*** Về vật chứng vụ án:** Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Toà án nhân dân thành phố H, tuyên như sau:

- Buộc bị cáo Trần C nộp Ngân sách Nhà nước số tiền 8.000.000 đồng (*Tám triệu đồng*) đã thu lợi bất chính từ việc phạm tội (tiền xâu và tiền bảo).

- **Tịch thu tiêu hủy:**

+ 03 (ba) hột xí ngầu hình lục giác, trên mỗi hột có các chấm đỏ đen từ 01 chấm đến 06 chấm;

+ 03 (ba) miếng kim loại hình tròn;

+ 01 (một) nắp mũ nhựa, có quấn băng keo màu đen phía bên ngoài;

+ 01 (một) cái đĩa (đĩa), loại nhỏ, màu trắng, đã qua sử dụng;

+ 01 (một) cái hộp sữa hiệu VINAMILK dielac bằng kim loại, trên nắp có một lỗ thủng.

- **Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước:** Số tiền Việt Nam 21.982.000 đồng đồng (*Hai mươi một triệu chín trăm tám mươi hai ngàn đồng*), trong đó: Số tiền bắt quả tang tại chiếu bạc là 7.000.000 đồng (*Bảy triệu đồng*) và số tiền các bị cáo dùng vào mục đích đánh bạc là 14.982.000 đồng (*Mười bốn triệu chín trăm tám mươi hai ngàn đồng*).

Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình theo cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát, lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 16/12/2021, các tài liệu và chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Người bào chữa cho bị cáo Đỗ N là luật sư Lê Văn Lợi phát biểu lời bào chữa như sau: Tại phiên tòa hôm nay và trong quá trình điều tra, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, căn cứ các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo, bản thân bị cáo là người học vấn thấp, am hiểu pháp luật còn hạn chế, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa thống nhất với nội dung luận tội của kiểm sát viên.

Các bị cáo thống nhất với nội dung luận tội của Kiểm sát viên và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà mình đã thực hiện như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xuất phát từ động cơ muốn có tiền tiêu xài không cần phải lao động vất vả mà các bị cáo lại tiếp tục có hành vi tổ chức cho người khác đánh bạc dẫn đến con đường phạm tội, cụ thể: Vào khoảng 00 giờ 10 phút, ngày 16 tháng 12 năm 2021, bị cáo Trần C trực tiếp tổ chức cho 12 người khác tham gia đánh bạc bằng hình thức lặc tài xỉu để thu tiền xâu, tiền bảo và bị cáo Đỗ N là đồng phạm với vai trò giúp sức trong việc chở người đến địa điểm đánh bạc để được hưởng tiền công, các bị cáo đã lợi dụng khu vực đất trống không người trông coi, trực tiếp canh, coi, tổ chức cho các con bạc tham gia đánh bạc ăn thua bằng tiền với hình thức lặc tài xỉu nhằm thu tiền xâu theo giờ (800.000 đồng/1giờ) và thu tiền bảo tổng cộng là 8.000.000 đồng. Ngoài ra, trong vụ án “*Tổ chức đánh bạc*” trên có 12 bị cáo: Phan T, Dương N, Lê R, Lê Thị K, Lê G, Lưu Văn A, Nguyễn D, Nguyễn V, Trần Thị Y, Nguyễn Thị B, Vũ Thị Tuyết Liên, Bùi S trực tiếp tham gia “*Đánh bạc*”, trong đó bị cáo Phan T tham gia với vai trò là người làm cái, chơi ăn thua bằng tiền với 11 bị cáo còn lại, dưới hình thức lặc tài xỉu, với tổng số tiền đánh bạc thu trên chiếu bạc là 7.000.000 đồng (*Bảy triệu đồng*) và số tiền dùng vào mục đích đánh bạc là 14.982.000 đồng (*Mười bốn triệu chín trăm tám mươi hai ngàn đồng*).

[3] Căn cứ vào Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 16/12/2021; căn cứ lời thừa nhận của các bị cáo, lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, cùng các tài liệu và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã có đủ căn cứ để kết luận hành vi của hành vi của các bị cáo Trần C và Đỗ N đã phạm tội “*Tổ chức đánh bạc*” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Phan T, Dương N, Lưu Văn A, Lê Thị K, Lê G, Lê R, Nguyễn D, Nguyễn V, Bùi S, Trần Thị Y và Nguyễn Thị B, về tội “*Đánh bạc*” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát.

Điều 322. Tội Tổ chức đánh bạc, quy định:

“1. Người nào tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc trái phép thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng, hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) Tổ chức cho 10 người đánh bạc trở lên trong cùng một lúc mà tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trị giá 5.000.000 đồng trở lên hoặc tổ chức 02 chiếu bạc trở lên trong cùng một lúc mà tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trị giá 5.000.000 đồng trở lên;.....

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc bị tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.

Điều 321. Tội đánh bạc, quy định:

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”...

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự công cộng, làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an ở địa phương. Hiện nay tệ nạn cờ bạc xảy ra ngày càng phổ biến, phức tạp với thủ đoạn hết sức tinh vi. Hậu quả từ việc đánh bạc làm ảnh hưởng đến đời sống hạnh phúc gia đình của người tham gia đánh bạc, đồng thời là nguyên nhân dẫn đến những vi phạm pháp luật khác. Đảng và Nhà nước ta đang ra sức đấu tranh phòng chống, đẩy lùi tệ nạn xã hội

này góp phần vào công cuộc xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa. Do đó đối với hành vi phạm tội của các bị cáo phải bị xử lý nghiêm để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[5] Về nhân thân: Ngày 19/3/2014, bị cáo Trần C bị Tòa án nhân dân quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm 06 tháng tù về “*Tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy*” quy định tại Điều 194 Bộ luật Hình sự, chấp hành xong ngày 17/02/2016. Hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện sự bất chấp, xem thường pháp luật nên phải xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc. Các bị cáo khác như Đỗ N, Phan T, Dương N, Lưu Văn A, Lê Thị K, Lê G, Lê R, Nguyễn D, Nguyễn V, Bùi S chưa có tiền án, tiền sự, địa chỉ rõ ràng; chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Trần C và Đỗ N được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là thành khẩn khai báo. Đối với các bị cáo Phan T, Dương N, Lưu Văn A, Lê Thị K, Lê G, Lê R, Nguyễn D, Nguyễn V, Bùi S, Trần Thị Y và Nguyễn Thị B được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự (*Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và thành khẩn khai báo*). Riêng bị cáo Trần Thị Y được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự (*người phạm tội ra đầu thú*); bị cáo Lê R được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự (Gia đình có công cách mạng được Nhà nước tặng huân chương kháng chiến hạng nhất). Hội đồng xét xử áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo thể hiện tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[7] Đây là vụ án có đồng phạm, trong đó Trần C trực tiếp tổ chức cho 12 bị cáo khác tham gia chơi đề thu tiền xâu, tiền bảo và bị cáo Đỗ N là đồng phạm với vai trò giúp sức trong việc chở người đến địa điểm đánh bạc để được hưởng tiền công. Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, căn cứ vào tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy phải xử phạt các bị cáo mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo, để có đủ điều kiện cải tạo, giáo dục cho các bị cáo thấy được lỗi lầm của mình, phấn đấu trở thành con người tốt có ích cho gia đình và xã hội. Có như thế mới thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, đồng thời

cũng nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho những ai có ý định phạm tội như các bị cáo.

[8] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo đa số không nghề nghiệp hoặc sống bằng nghề làm thuê, thu nhập không ổn định, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

[9] Đối với Vũ Thị Tuyết Liên, sau khi bị khởi tố đã bỏ trốn khỏi địa phương nên Cơ quan điều tra ra Quyết định truy nã và tách hồ sơ vụ án đối với Liên, khi nào bắt được sẽ phục hồi vụ án và xử lý sau. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan như: Hà Ngọc U, Lê Thị O, Lê I, Huỳnh Thị M, Lê Z, Nguyễn B, Nguyễn J, Cao L là người tham gia chơi đánh bạc nhưng không đủ yếu tố cấu thành tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự về các tội danh trên nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đề nghị Công an thành phố H xử phạt vi phạm hành chính là phù hợp, Viện kiểm sát không đề cập xem xét xử lý. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Đối với Nguyễn E được một người thanh niên không họ tên, địa chỉ, thuê giữ xe cho các bị cáo, qua xác minh không có mặt ở địa phương, chưa làm việc được nên chưa đủ căn cứ xử lý trách nhiệm có liên quan đối với Thêm, khi nào làm việc được nếu có căn cứ sẽ xử lý sau. Viện kiểm sát không đề cập xử lý. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Đối với Nguyễn P, không có chứng cứ chứng minh là người đứng ra tổ chức đánh bạc và nhận 8.000.000 đồng tiền xâu, tiền bảo từ bị cáo Trần C, cho nên Cơ quan điều tra không đưa ra bất kỳ hình thức xử lý nào, Viện kiểm sát không đề cập xử lý. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[13] Riêng các ông, bà: Nhan I, Nguyễn Đức Hiền, Trần P4, Bùi P2, Phạm P9, Lê Thành Tiền, Châu P7, Nguyễn P1, Huỳnh Thị P8 có mặt tại hiện trường khi bắt quả tang nhưng mục đích để tìm người thân, tìm người quen lấy tiền nợ, không tham gia chơi đánh bạc cho nên không đề cập biện pháp xử lý, Viện kiểm sát không đề cập xem xét xử lý. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[14] Về vật chứng vụ án và tài sản tạm giữ:

- Đối với số tiền thu tại chiếu bạc, trên người các bị cáo và các vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo, gồm: 03 (ba) hột xí ngầu hình lục giác, trên mỗi hột có các chấm đỏ đen từ 01 chấm đến 06 chấm; 03 (ba) miếng kim loại hình tròn; 01 (một) nắp mũ nhựa, có quần băng keo màu đen phía bên ngoài; 01 (một) cái đĩa (đĩa), loại nhỏ, màu trắng, đã qua sử dụng;

01 (một) cái hộp sữa hiệu VINAMILK dielac bằng kim loại, trên nắp có một lỗ thủng. Tiền Việt Nam 21.982.000 đồng (Hai mươi một triệu chín trăm tám mươi hai ngàn đồng), trong đó: Số tiền bắt quả tang tại chiếu bạc là 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng) và số tiền các bị cáo dùng vào mục đích đánh bạc là 14.982.000 đồng (Mười bốn triệu chín trăm tám mươi hai ngàn đồng). Hội đồng xét xử căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên tịch thu tiêu hủy và nộp ngân sách Nhà nước là phù hợp pháp luật.

- Đối với số tiền 8.000.000 đồng, bị cáo Trần C đã thu lợi bất chính từ việc phạm tội (gồm tiền xâu và tiền bảo). Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự buộc bị cáo Trần C phải nộp lại để nộp vào ngân sách Nhà nước là phù hợp pháp luật.

- Đối với xe mô tô mà bị cáo Đỗ N dùng làm phương tiện chở các bị cáo đến địa điểm đánh bạc, khi bắt quả tang không thu giữ được tại hiện trường và bị cáo Nghi cũng không nhớ đặc điểm cụ thể như: biển số, số máy, số khung cho nên không có căn cứ xem xét xử lý khi nào thu hồi được sẽ xử lý sau.

[15] Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy nội dung luận tội của Kiểm sát viên là có căn cứ và phù hợp pháp luật.

[16] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Trần C phạm tội “Tổ chức đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Trần C 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù và được trừ đi những ngày tạm giữ (từ ngày 16/12/2021 đến ngày 25/12/2021).

2. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Đỗ N phạm tội “Tổ chức đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Đỗ N 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Phan T phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Phan T 05 (năm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù và được trừ đi những ngày tạm giữ (từ ngày 16/12/2021 đến ngày 25/12/2021).

4. Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự; khoản 5 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị B phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị B 04 (bốn) tháng 13 (mười ba) ngày tù. Thời hạn tù bằng thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam; đến ngày xét xử sơ thẩm bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù. Tuyên bố trả tự do ngay tại phiên toà cho bị cáo Nguyễn Thị B, nếu bị cáo không bị tạm giam về tội khác.

5. Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Dương N phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Dương N 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án (13-12-2022).

Giao bị cáo Dương N cho Ủy ban nhân dân xã Tân Quới, huyện A1, tỉnh Đồng Tháp giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Tân Quới, huyện A1, tỉnh Đồng Tháp trong việc giám sát, giáo dục.

Trong thời gian thử thách, bị cáo Dương N cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Dương N phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp đang trong thời gian thử thách mà bị cáo phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Trường hợp bị cáo Dương N thay đổi nơi cư trú trong thời gian thử thách thì phải thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

6. Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Lưu Văn A phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Lưu Văn A 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án (13-12-2022).

Giao bị cáo Lưu Văn A cho Ủy ban nhân dân xã Tân Quới, huyện A1, tỉnh Đồng Tháp giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Tân Quới, huyện A1, tỉnh Đồng Tháp trong việc giám sát, giáo dục.

Trong thời gian thử thách, bị cáo Lưu Văn A cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Lưu Văn A phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp đang trong thời gian thử thách mà bị cáo phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Trường hợp bị cáo Lưu Văn A thay đổi nơi cư trú trong thời gian thử thách thì phải thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

7. Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Thị K phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Lê Thị K 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án (13-12-2022).

Giao bị cáo Lê Thị K cho Ủy ban nhân dân phường K1, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường K1, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp trong việc giám sát, giáo dục.

Trong thời gian thử thách, bị cáo Lê Thị K cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Lê Thị K phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp đang trong thời gian thử thách mà bị cáo phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Trường hợp bị cáo Lê Thị K thay đổi nơi cư trú trong thời gian thử thách thì phải thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

8. Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Lê G phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Lê G 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án (13-12-2022).

Giao bị cáo Lê G cho Ủy ban nhân dân xã An Hoà, huyện T1, tỉnh Đồng Tháp giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã An Hoà, huyện T1, tỉnh Đồng Tháp trong việc giám sát, giáo dục.

Trong thời gian thử thách, bị cáo Lê G cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Lê G phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp đang trong thời gian thử thách mà bị cáo phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Trường hợp bị cáo Lê G thay đổi nơi cư trú trong thời gian thử thách thì phải thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

9. Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Lê R phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Lê R 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án (13-12-2022).

Giao bị cáo Lê R cho Ủy ban nhân dân phường R1, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường R1, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp trong việc giám sát, giáo dục.

Trong thời gian thử thách, bị cáo Lê R cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Lê R phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp đang trong thời gian thử thách mà bị cáo phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Trường hợp bị cáo Lê R thay đổi nơi cư trú trong thời gian thử thách thì phải thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

10. Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn D phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn D 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án (13-12-2022).

Giao bị cáo Nguyễn D cho Ủy ban nhân dân phường K1, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường K1, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp trong việc giám sát, giáo dục.

Trong thời gian thử thách, bị cáo Nguyễn D cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Nguyễn D phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp đang trong thời gian thử thách mà bị cáo phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Trường hợp bị cáo Nguyễn D thay đổi nơi cư trú trong thời gian thử thách thì phải thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

11. Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn V phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn V 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án (13-12-2022).

Giao bị cáo Nguyễn Văn Hoà cho Ủy ban nhân dân phường K1, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường K1, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp trong việc giám sát, giáo dục.

Trong thời gian thử thách, bị cáo Nguyễn Văn Hoà cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Nguyễn Văn Hoà phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp đang trong thời gian thử thách mà bị cáo phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Trường hợp bị cáo Nguyễn Văn Hoà thay đổi nơi cư trú trong thời gian thử thách thì phải thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

12. Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Bùi S phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Bùi S 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án (13-12-2022).

Giao bị cáo Bùi S cho Ủy ban nhân dân xã S3, huyện S4, tỉnh Đồng Tháp giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã S3, huyện S4, tỉnh Đồng Tháp trong việc giám sát, giáo dục.

Trong thời gian thử thách, bị cáo Bùi S cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Bùi S phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp đang trong thời gian thử thách mà bị cáo phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Trường hợp bị cáo Bùi S thay đổi nơi cư trú trong thời gian thử thách thì phải thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

13. Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Thị Y phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Trần Thị Y 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án (13-12-2022).

Giao bị cáo Trần Thị Y cho Ủy ban nhân dân xã An Hoà, huyện T1, tỉnh Đồng Tháp giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã An Hoà, huyện T1, tỉnh Đồng Tháp trong việc giám sát, giáo dục.

Trong thời gian thử thách, bị cáo Trần Thị Y cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Trần Thị Y phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp đang trong thời gian thử thách mà bị cáo phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Trường hợp bị cáo Trần Thị Y thay đổi nơi cư trú trong thời gian thử thách thì phải thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

* Về vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Buộc bị cáo Trần C nộp số tiền 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng) đã thu lợi bất chính từ việc phạm tội (tiền xâu và tiền bảo) để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 03 (Ba) hột xí ngầu hình lục giác, trên mỗi hột có các chấm đỏ đen từ 01 chấm đến 06 chấm;

+ 03 (Ba) miếng kim loại hình tròn;

+ 01 (Một) nắp mũ nhựa, có quần băng keo màu đen phía bên ngoài;

+ 01 (Một) cái đĩa (đĩa), loại nhỏ, màu trắng, đã qua sử dụng;

+ 01 (Một) cái hộp sữa hiệu VINAMILK dielac bằng kim loại, trên nắp có một lỗ thủng.

- Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước: Số tiền Việt Nam 21.982.000 đồng (Hai mươi một triệu chín trăm tám mươi hai ngàn đồng), trong đó: Số tiền bắt quả tang tại chiếu bạc là 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng) và số tiền các bị cáo dùng vào mục đích đánh bạc là 14.982.000 đồng (Mười bốn triệu chín trăm tám mươi hai ngàn đồng).

(Các vật chứng trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Đồng Tháp đang quản lý, theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 25/10/2022).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Trần C, Đỗ N, Phan T, Dương N, Lưu Văn A, Lê Thị K, Lê G, Lê R, Nguyễn D, Nguyễn V, Bùi S, Trần Thị Y và Nguyễn Thị B, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

* Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 13/12/2022). Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày được thông đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND thành phố H;
- Nhà tạm giữ Công an TP. H;
- Cơ quan điều tra Công an TP. H;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Huỳnh Thanh Tâm